TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2022
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Phúc Định.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Quang Định
2. Bà Vũ Thị Xuyến

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Tố Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: xóm Mật 2, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký tạm trú: tổ 7, khu 9, phường Th S, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Công T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: tổ 4, khu Bí Trung 1, phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Th C đóng tại huyện C Th, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Đỗ Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 20/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh sảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng về quan

điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2017 anh T vi phạm pháp luật phải đi cải tạo tại Y B, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, đến khi anh T chấp hành xong về được vài tháng thì lại tiếp tục vi phạm pháp luật và hiện nay đang cải tạo tại Thanh Hóa. Nay xác định tình vợ chồng không còn nên chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đỗ Công T.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị Lê Thị T và anh Đỗ Công T không có con chung.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Chị Lê Thị T và anh Đỗ Công T không có tài sản chung và vay nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 08/12/2021 và Đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Công T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Công T và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh ngày 20/8/2015, vợ chồng chung sống với nhau 1 năm, sau khi anh T phạm tội và đang chấp hành án tại tỉnh Y B thì ngày 10/02/2017 chị T bỏ nhà đi, hiện nay anh T lại đang chấp hành án tại tỉnh Thanh Hóa. Nay anh T xác định tình cảm không còn từ lâu, anh T mong Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử, giải quyết ly hôn cho anh.

- *Về con chung:* Anh Đỗ Công T và chị Lê Thị T không có con chung.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Anh Đỗ Công T và chị Lê Thị T không có tài sản chung và vay nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho anh Đỗ Công T tuy nhiên anh Đỗ Công T hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Th C, tỉnh Thanh Hóa, không có mặt tại các phiên họp nhưng đã có bản tự khai trình bày quan điểm về việc đồng ý ly hôn với chị T.

Tại biên bản xác minh ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh – Ông Dương Đại H – Phó trưởng khu B Tr 1 - phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Chị Lê Thị T và anh Đỗ Công Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/8/2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, cho đến khoảng năm 2019 thì anh Đỗ Công T vi phạm pháp luật và hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Hóa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T tại Tòa án. Quá trình chung sống của chị T và anh T không có con chung, không có tài sản chung, vì vậy đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực

hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện về việc ly hôn với anh Đỗ Công T và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Đỗ Công T có nơi cư trú tại tổ 4, khu B Tr 1, phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Đỗ Công T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt cả Nguyên đơn và bị đơn đảm bảo đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Đỗ Công T có đăng ký kết hôn từ năm 2015 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không còn quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nay chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn từ lâu, anh T mong Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử, giải quyết ly hôn cho anh với chị T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Lê Thị T và anh Đỗ Công T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Đương sự trình bày không có vay nợ chung và tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Đỗ Công T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006730 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- UBND phường Phương Đông (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Phúc Định